

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28/3/2025

V/v “Kiện ly hôn, tranh
chấp nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Duy Hưng;

Bà Phạm Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 28/3/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai Tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N; sinh năm 1998; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Tự do

Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T; sinh năm 1990; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Tự do

Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện không do bên nào ép buộc. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau, thường hay đánh, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn xảy ra được chính quyền địa phương, bạn bè khuyên giải nhưng không được. Hiện anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T nhằm ổn định cuộc sống sau này của mỗi người.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung là cháu Hoàng Minh T1; sinh ngày 23/3/2016, hiện đang sinh sống cùng anh Hoàng Văn

T. Khi ly hôn chị Hà Thị N đề nghị giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh T1. Chị đóng góp phí tổn nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng. Nghề nghiệp hiện nay của chị Hà Thị N làm tự do thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị Hà Thị N kết hôn 2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện không do bên nào ép buộc. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau, thường hay cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn xảy ra được chính quyền địa phương, bạn bè khuyên giải nhưng không được. Hiện anh chị đã sống ly thân mỗi người một nhà từ năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Hà Thị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn với chị Hà Thị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Hoàng Minh T1; sinh ngày 23/3/2016 hiện đang sinh sống cùng anh Hoàng Văn T. Khi ly hôn anh Hoàng Văn T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh T1. Yêu cầu chị N đóng góp phí tổn nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Nghề nghiệp hiện nay của anh là làm tự do thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị N, khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết Ly hôn, nuôi con chung với anh Hoàng Văn T. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn T có đến toà án để viết bản tự khai, tuy nhiên không đến tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Cần áp dụng khoản 1 điều 227 ; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện không do bên nào ép buộc. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau, thường hay cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn xảy ra được chính quyền địa phương, bạn bè khuyên giải nhưng không được. Hiện anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị Hà Thị N đề

ngợi Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T. Xét thấy mâu thuẫn gia đình chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn T đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã sống ly thân nên cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Hà Thị N, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T là phù hợp theo quy định khoản 1 điều 51; Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung là cháu Hoàng Minh T1; sinh ngày 23/3/2016. Khi ly hôn chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn T thống nhất giao cháu Hoàng Minh T1 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hà Thị N đóng góp phí tổn nuôi con là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) / tháng đến khi cháu Hoàng Minh T1 đủ 18 tuổi.

Xét về vấn đề nuôi con thấy rằng: Cháu Hoàng Minh T1 đang ở cùng với anh Hoàng Văn T và có nguyện vọng xin ở với anh Hoàng Văn T. Anh Hoàng Văn T làm tự do có mức thu nhập 8.000.000 triệu/ đồng. Do vậy, việc giao con cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, thuận tiện cho việc chăm nom cháu trong vấn đề học tập và sinh hoạt của cháu, chị Hà Thị N đóng góp phí tổn nuôi con là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) / tháng đến khi cháu Hoàng Minh T1 đủ 18 tuổi là phù hợp với điều 81; điều 82; điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng , án phí, lệ phí Tòa án để tính án phí cho các đương sự

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 ; điều 57; điều 81 ;82 ;83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227 ; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Hà Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn T. Quan hệ hôn nhân của chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Minh T1; sinh ngày 23/3/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị N phải đóng góp phí tổn nuôi con là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) / tháng đến khi cháu Hoàng Minh T1 đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở chị Hà Thị N thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357; điều 468 của bộ Luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003513 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Chị Hà Thị N còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện
- Các đương sự;
- THADS huyện;
- UBND Xã Minh Tân;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

